

Số: 40/2021/NQ-HĐND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về việc Quy định một số chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trẻ em mầm non, giáo viên mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Ninh Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH
KHÓA XV, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định chính sách phát triển giáo dục mầm non;

Xét Tờ trình số 54/TTr-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trẻ em mầm non, giáo viên mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Ninh Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định một số chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục; trẻ em mầm non, giáo viên mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp của tỉnh Ninh Bình, cụ thể như sau:

1. Chính sách đối với cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp, nơi có nhiều lao động

a) Đối tượng hưởng chính sách

Cơ sở giáo dục mầm non độc lập ở địa bàn có khu công nghiệp thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cấp có thẩm quyền cấp phép thành lập theo đúng quy định có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Nội dung chính sách

Hỗ trợ một lần 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng)/cơ sở giáo dục mầm non

độc lập quy định tại điểm a khoản này để: Trang bị đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học theo danh mục quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ em.

2. Chính sách đối với trẻ em mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp

a) Đối tượng hưởng chính sách

Trẻ em đang học tại các cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo đúng quy định có cha hoặc mẹ hoặc người chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ em là công nhân, người lao động đang làm việc tại các khu công nghiệp được doanh nghiệp ký hợp đồng lao động theo quy định.

b) Nội dung chính sách

Hỗ trợ 160.000 đồng (một trăm sáu mươi nghìn đồng)/trẻ/tháng đối với trẻ em quy định tại điểm a khoản này. Thời gian hỗ trợ tính theo số tháng học thực tế, nhưng không quá 09 tháng/năm học.

3. Chính sách đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp

a) Đối tượng hưởng chính sách

Giáo viên mầm non đang làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non thuộc loại hình dân lập, tư thục đã được cơ quan có thẩm quyền cấp phép thành lập và hoạt động theo quy định ở địa bàn có khu công nghiệp và bảo đảm đủ những điều kiện sau: có trình độ chuẩn đào tạo chức danh giáo viên mầm non theo quy định; có hợp đồng lao động với người đại diện theo pháp luật của cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trực tiếp chăm sóc, giáo dục trẻ tại nhóm trẻ/lớp mẫu giáo có từ 30% trẻ em là con công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp.

b) Nội dung chính sách

Hỗ trợ 800.000 đồng (tám trăm nghìn đồng)/giáo viên/tháng đối với giáo viên mầm non bảo đảm đủ các điều kiện quy định tại điểm a khoản này.

Số lượng giáo viên trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục được hưởng hỗ trợ được tính theo định mức quy định đối với các cơ sở giáo dục mầm non công lập hiện hành.

Thời gian hưởng hỗ trợ tính theo số tháng dạy thực tế trong năm học. Mức hỗ trợ nằm ngoài mức lương thỏa thuận giữa chủ cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục với giáo viên và không dùng tính đóng hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện, thời gian thực hiện chính sách

1. Nguồn kinh phí thực hiện: Ngân sách tỉnh đảm bảo.
2. Thời gian thực hiện chính sách: Từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình khóa XV, kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 8 năm 2021./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội, Chính phủ;
- Các Bộ: GD&ĐT, Tài chính;
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XV;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Sở: GD&ĐT, Tư pháp, Tài chính;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Website Chính phủ;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Ninh Bình;
- Lưu: VT, P.CTHĐND.

